

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 28/11/2019.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhã Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng và bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Kăn Niê - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tại- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 336/2019/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2019. Về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2019. Giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Hà Thị N**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt)*

* Bị đơn: Ông **Ngân Văn C**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. *(Vắng mặt)*

NHẬN THẤY

Nội dung vụ án như sau:

Bà Hà Thị N xây dựng gia đình với ông Ngân Văn C trên cơ sở tự nguyện có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/02/2003.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn. Đến năm 2016 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp tính, thường xuyên cãi vã xúc phạm, bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt rồi xa lánh dần. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên răn, hòa giải nhiều lần nhưng bà N và ông C vẫn không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà Hà Thị N có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Ngân Văn C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngân Thị Hạnh Nh, sinh ngày 02/6/2003 và Ngân Hà Trọng B, sinh ngày 14/11/2010. Bà N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ngân Thị Hạnh Nh cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có nguyện vọng giao cháu Ngân Hà Trọng B cho ông Ngân Văn C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của các cháu). Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Các đương sự không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Đối với bị đơn ông Ngân Văn C xác định toàn bộ lời khai của bà N về quá trình hôn nhân và con chung là hoàn toàn đúng nhưng ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn.

Ngày 11/11/2019, Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn ông Ngân Văn C vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Ngân Văn C vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn. Bà Hà Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngân Văn C. Bà N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ngân Thị Hạnh Nh cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có nguyện vọng giao cháu Ngân Hà Trọng B cho ông Ngân Văn C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của các cháu). Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào. Ngoài ra, bà N không yêu cầu gì thêm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và HĐXX đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà Hà Thị N được ly hôn với ông Ngân Văn . Giao cháu Ngân Thị Hạnh Nh, sinh ngày 02/6/2003 cho bà Hà Thị N và giao cháu Ngân Hà Trọng B, sinh ngày 14/11/2010 cho ông Ngân Văn C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu Nhi và cháu Bằng đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

- Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đơn khởi kiện của bà Hà Thị N đề ngày 29/8/2019, Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt bị đơn*: Tòa án nhân dân huyện EaKar đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2019 cho bị đơn ông Ngân Văn C. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Ngân Văn C.

[3] *Về nội dung*: Bà Hà Thị N và ông Ngân Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/2/2003 nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi về chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính, thường xuyên cãi vã xúc phạm, bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên răn, hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, không liên lạc, không hề quan tâm hay chăm sóc đến nhau. Hơn nữa, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định từ giữa năm 2016 cho đến nay vợ chồng bà N và ông C thường hay xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng chửi bới và xúc phạm nhau, nguyên nhân là do vợ chồng sống không tin tưởng, hay ghen tuông nên cuộc sống không hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài và thực tế vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2016 cho đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N, cho bà Hà Thị N được ly hôn với ông Ngân Văn C.

Về con chung: Bà N và ông C có 02 con chung là Ngân Thị Hạnh Nh, sinh ngày 02/6/2003 và Ngân Hà Trọng B, sinh ngày 14/11/2010. Bà N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ngân Thị Hạnh Nh cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có nguyện vọng giao cháu Ngân Hà Trọng B cho ông Ngân Văn C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của các cháu). Để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu là hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng nên căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Ngân Thị Hạnh Nh, sinh ngày 02/6/2003 cho bà Hà Thị N và giao cháu Ngân Hà Trọng B, sinh ngày 14/11/2010 cho ông Ngân Văn C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu Nh và cháu B đủ 18 tuổi.

Về trợ cấp nuôi dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết

Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập.

[4] *Về án phí:* Căn cứ khoản Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và đơn xin miễn giảm án phí của bà Hà Thị N. Nguyên đơn bà Hà Thị N là người đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (thôn T, xã S) nên bà Hà Thị N được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ khoản Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị N được ly hôn với ông Ngân Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Ngân Thị Hạnh Nh, sinh ngày 02/6/2003 cho bà Hà Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao cháu Ngân Hà Trọng B, sinh ngày 14/11/2010 cho ông Ngân Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Hà Thị N, ông Ngân Văn C được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, bà N và ông C không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập.

- **Về án phí:** Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Hà Thị N. Bà Hà Thị N được nhận lại số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0013341, ngày 04/9/2019.

- **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- UBND xã X, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Nhã Phương